TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 711 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung

2. Bà Nguyễn Thị Bông Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy– Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 27-8-2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm: 197 ; Địa chỉ: Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành D, sinh năm: 197 ; Địa chỉ: Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: Bà V có mặt, ông D có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28-02-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành D tự nguyện chung sống năm 1999, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 69, quyển số 01 ngày 30-8-1999. Sau khi cưới, vợ chồng ở nhiều nơi đến năm 2001 thì chuyển về sống tại Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và trầm trọng từ năm 2013 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có sự tôn trọng, không chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân gần 10 năm, lúc đầu còn sống chung nhà nhưng khoảng tháng 4/2019, bà dọn ra ngoài ở cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông D để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Bà và ông D có hai con chung tên Nguyễn Phi B, sinh ngày 14/02/200 và Nguyễn Phi B, sinh ngày 22/01/200. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi trẻ Phi B, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Phi B đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thành D trình bày*:*

Ông xác nhận việc kết hôn và thời gian chung sống như bà V trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay bà V yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- *Về quan hệ con chung*: Ông và bà V có hai con chung tên Nguyễn Phi B, sinh ngày 14/02/200 và Nguyễn Phi B, sinh ngày 22/01/200. Khi ly hôn, ông yêu cầu nuôi trẻ Phi B, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Phi B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hòa giải được do ông D có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay :

- Nguyên đơn bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông D có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được qui định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V. Khi ly hôn, bà V trực tiếp nuôi trẻ Phi B. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D do bà V không yêu cầu. Con chung Phi B đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 30/8/1999 thì quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận; Ông D có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà V yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn – ông D: Xét ông D có yêu cầu được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải cũng như xét xử tại Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết, bà V và ông D cùng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không còn khả năng hàn gắn. Bà V yêu cầu ly hôn, ông D cũng đồng ý. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà V và ông D.

- *Về quan hệ con chung:* Bà V và ông D có hai con chung tên Nguyễn Phi Bg, sinh ngày 14-02-200 và Nguyễn Phi B, sinh ngày 22-01-200. Khi ly hôn, bà V và ông D đều yêu cầu nuôi trẻ Phi B, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét, việc giao con chung cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng là dựa vào quyền lợi, nguyện vọng của con. Hiện tại trẻ Phi B đang ở với bà V và có nguyện vọng ở với mẹ, do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Phi B cho bà V nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của trẻ và phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, không chấp nhận yêu cầu của ông D.

Đối với con chung Phi B đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà V đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012829 ngày 25-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Vân.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim V và ông Nguyễn Thành D

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim V và ông Nguyễn Thành D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01 ngày 30/8/1999 do Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định cấp cho bà V và ông D chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung*: Giao trẻ tên Nguyễn Phi B, sinh ngày 22-01-200 cho bà Nguyễn Thị Kim V trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D do bà V không yêu cầu.

Đối với con chung Nguyễn Phi B, sinh ngày 14-02-200 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim V chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà V đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012829 ngày 25-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Kim V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thành D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự ;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Lưu : VT, hồ sơ (Thúy)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Thị Thanh Mai